TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38** /2019/DS-ST
Ngày: 05/8/2019
"*V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng gia công*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Nguyễn Phát Triển

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại Hội Trg xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-DS, ngày 06/6/2019, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐST-DS ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Hữu Tr, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Số 100/6, ấp T T, xã T P, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn*: Lê Hoàng Thiện T, sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số 244/6 ấp T M, xã T P, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Người làm chứng*:

1. Nguyễn Xuân Trg, sinh năm: 1968; Địa chỉ: 184A/6, ấp T T, xã T P, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2. Lê Hoàng H, sinh năm: 1958; Địa chỉ: 244/6, ấp T M, xã T P, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh Trần Hữu Tr trình bày:

Vào tháng 10 năm 2017 anh T với anh Trg có thỏa thuận hợp đồng miệng chở đất lợp vườn quýt của anh T nhưng anh Trg không có đất nên anh Trg nói với anh Tr lợp đất cho vườn quýt của anh T. Sau đó anh Tr và anh T có thỏa thuận việc anh Tr lợp đất cho vườn của anh T, đất lợp vườn quýt được tính theo đơn vị là xuồng, mỗi xuồng có giá 70.000đ, anh T chỉ đường và cách thức vị trí để lợp đất vườn cho anh Tr. Khoảng 02 đến 03 ngày sau khi thỏa thuận thì anh Tr thực hiện công việc chở đất lợp vườn theo đúng thỏa thuận với anh T, tổng cộng là 1.108 xuồng với số tiền là 77.560.000đ (1.108 xuồng x 70.000đ) và bồi dưỡng thêm là 500.000đ, tổng cộng số tiền là 78.060.000đ. Khoảng đầu năm 2018 anh T trả cho anh Tr 10.000.000 đồng, sau đó ông H là ba của anh T trả cho anh Tr 10.000.000 đồng, Đến khoảng giữa năm 2018 anh T trả cho anh Tr thêm 20.000.000 đồng, tổng cộng đến tháng 6 năm 2018 anh T trả cho anh Tr được 40.000.000 đồng và còn nợ lại anh Tr số tiền 38.060.000 đồng, anh Tr yêu cầu nhiều lần nhưng anh T hứa hẹn đến nay chưa trả.

Nay anh Trần Hữu Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Hoàng Thiện T trả cho anh Trần Hữu Tr tiền chở lợp đất vườn quýt còn nợ là 38.060.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh Lê Hoàng Thiện T trình bày:

Vào tháng 10 năm 2017 anh T với anh Trg có thỏa thuận hợp đồng miệng chở đất lợp vườn quýt của anh T, chứ anh T không có hợp đồng chở đất lợp vườn quýt với anh Tr. Sau khi thỏa thuận với anh Trg vài ngày sau anh Tr chở đất lợp vườn cho anh T theo đúng như anh thỏa thuận. Thỏa thuận chở đất lợp vườn quýt được tính theo đơn vị là xuồng, mỗi xuồng có giá 70.000 đồng, tổng cộng bao nhiêu xuồng thì anh T không nhớ, nhưng anh Tr có báo tổng số tiền phải trả cho anh T biết, tuy nhiên anh T không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Anh T đã trả tiền cho anh Tr 02 lần là 30.000.000 đồng và 01 lần nhờ ông H đem tiền trả cho anh Tr là 10.000.000 đồng, tổng cộng đến nay anh T đã trả cho anh Tr là 40.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả do vườn quýt bị bệnh chết, hiện nay kinh tế gia đình anh T rất khó khăn nên chưa trả tiền cho anh Tr.

Anh Lê Hoàng Thiện T đồng ý trả cho anh Trần Hữu Tr tiền chở đất lợp vườn quýt còn nợ là 38.060.000 đồng, không phải trả tiền lãi. Nhưng do kinh tế gia đình

khó khăn nên anh T hứa qua tết năm 2020 anh T trả cho anh Tr số tiền còn nợ, trả mỗi 01 tháng là 300.000 đồng, trả đến khi hết nợ và anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do trước đây khi hòa giải tại ban nhân dân ấp anh T có nói nếu khởi kiện ra Tòa án thì anh T không đồng ý chịu tiền án phí.

* Người làm chứng ông Nguyễn Xuân Trg trình bày: Vào khoảng tháng 10 năm 2017 anh T với anh Trg có thỏa thuận anh Trưởng lợp đất vườn quýt của anh T nhưng anh Trg không có đất nên anh Trg nói với anh Tr lợp đất cho vườn quýt của anh T. Sau đó anh Tr và anh T thỏa thuận việc anh Tr lợp đất cho vườn của anh T, đất lợp vườn quýt được tính theo đơn vị là xuồng, mỗi xuồng có giá 70.000đ, bao nhiêu xuồng thì tính tiền bấy nhiêu, anh T chỉ đường và cách thức vị trí để lợp đất vườn cho anh T. Khoảng 02 đến 03 ngày sau khi thỏa thuận thì anh Trg thực hiện công việc chở đất lợp vườn theo đúng thỏa thuận với anh T, tổng cộng bao nhiêu xuồng thì anh Trg không biết, nhưng có nghe Tr nói là trên 70.000.000 đồng và đến nay T đã trả cho Tr 40.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại đến nay chưa trả.

* Người làm chứng ông Lê Hoàng H trình bày: Ông H là ba của anh Lê Hoàng Thiện T. Việc thỏa thuận giữa T với Trg, Tr như thế nào ông H không biết. Vào ngày chở lợp đất cho vườn quýt của T thì ông có biết nhưng bao nhiêu xuồng, tổng cộng bao nhiêu tiền thì ông không biết rõ. Vào khoảng đầu năm 2018 T có đưa cho ông H 10.000.000 đồng để nhờ ông đến nhà Tr gửi trả Tr số tiền chở lợp vườn quýt còn nợ. Ngoài ra ông H không biết gì thêm khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Hữu Tr khởi kiện yêu cầu anh Lê Hoàng Thiện T trả tiền lợp đất vườn quýt còn nợ, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng gia công. Các đương sự cư trú tại xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Trần Hữu Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Hoàng Thiện T trả cho anh Trần Hữu Tr tiền lợp đất vườn quýt còn nợ là 38.060.000 đồng. Anh Lê Hoàng Thiện T đồng ý trả số tiền còn nợ cho anh Trần Hữu Tr là 38.060.000 đồng nhưng không đồng ý nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Xét lời trình bày và yêu cầu của anh Trần Hữu Tr là có cơ sở, phù hợp lời trình bày của người làm chứng và anh Lê Hoàng Thiện T cũng thừa nhận còn nợ anh Tr tiền lợp đất vườn quýt là 38.060.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Hữu Tr, buộc anh Lê Hoàng Thiện T trả cho anh Trần Hữu Tr số tiền còn nợ là 38.060.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Các đương sự không yêu cầu xem xét tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 542, Điều 552 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Trần Hữu Tr.

2. Buộc anh Lê Hoàng Thiện T trả cho anh Trần Hữu Tr số tiền còn nợ là 38.060.000 đồng (Ba mươi tám triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Anh Lê Hoàng Thiện T phải nộp 1.903.000 đồng (Một triệu, chín trăm lẽ ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Hữu Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Trần Hữu Tr tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 950.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001574, ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/8/2019).

Trg hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Huyền